

Số: 127/QĐ-DTNT

Hội An, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố số liệu quyết toán ngân sách và đánh giá dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của Trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 28/01/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Phổ thông Nội trú dân tộc tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (cũ);

Căn cứ Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc đổi tên trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh thành trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-SGD&ĐT ngày 29/12/2023 của Sở GD&ĐT về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Phụ trách Kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 và đánh giá số liệu thu chi ngân sách năm 2024 của Trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Nam (chi tiết theo biểu số 3 và số 4 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Văn phòng, Kế toán, Thủ quỹ nhà trường và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công đoàn, Đoàn TN, Ban TTND;
- Niêm yết công khai;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Sơn

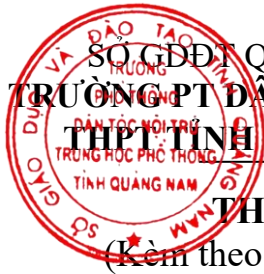
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 127/QĐ-DTNT ngày 31/3/2025 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Nam)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	24.784	23.745	7.535	343	0
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp	24.784	23.745	7.535	343	0
B	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	24.784	23.745	7.535	343	0
1	Chi quản lý hành chính	24.784	23.745	7.535	343	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.167	10.167	7.535	343	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.565	12.302	1.929	0	0

	chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	24.784	23.745	7.535	343	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.167	10.167	7.535	343	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.565	12.302	1.929	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					



THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 127/QĐ-DTNT ngày 31/3/2025 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Nam)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động, quỹ lương

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 60 người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 43 người
- Người lao động theo hợp đồng 111: 17 người

1.2. Tăng trong năm: 03 người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 02 người
- Người lao động theo hợp đồng 111: 1 người

1.3. Giảm trong năm: 03 người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 02 người
- Người lao động theo hợp đồng 111: 01 người

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

Đã thực hiện bảo đảm các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản

Trong đó

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung

Cơ bản chấp hành dự toán chi trong năm.

b. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia, CTMT

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công

Đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị trong năm.

3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

(kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán huỷ bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...):

2. Nguồn NSNN trong nước:

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang: 598.933.393 đồng;

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 200.022.493 đồng

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi: không

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 398.910.900 đồng;

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung,

địa chỉ sử dụng cụ thể: Nguồn CK:

2.2. Dự toán giao năm nay: 21.184.747.000 đồng;

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 10.018.849.000 đồng

- DT giao đầu năm: 8.677.390.000

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 1.341.459.000

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm: 12.616.958.000

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 1.548.940.000

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 10.166.588.850

Trong đó nguồn CK:

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 10.166.588.850

+ Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 13.578.748.378

Trong đó nguồn CK:

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 13.578.748.378

+ Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.4. Kinh phí giảm trong năm:

- Nguồn NSNN giảm:

Lý do giảm:

Trong đó nguồn CK giảm:

Lý do giảm:

2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 52.282.643 đồng

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 337.716.000 đồng-
trong đó: CKC: 314.420.000 đồng- Kinh phí nguồn 15(Sau

30/9/2024): 23.296.000 đồng;

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:.

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử
dụng cụ thể:

Nguồn CK:

II. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương:

1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.2. Chi từ nguồn viện

trợ, vay nợ nước ngoài:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.4. Chi từ hoạt động sản

xuất kinh doanh, dịch vụ:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.5. Chi từ nguồn khác:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Nội dung			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang					
II	Trích lập					
III	Sử dụng					
1	Sử dụng cho cải cách tiền					

	lương					
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ					
IV	Số dư chuyển năm sau					

3. Chi NSNN bằng ngoại tệ (nếu có)

.....

4. Thuyết minh khác:

.....

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét: Trường cơ bản đã chấp hành cơ chế chính sách và quản lý các khoản thu, chi tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, sử dụng quỹ lương, kinh phí hoạt động, chế độ chính sách tại đơn vị theo đúng qui định Nhà nước.

2. Kiến nghị: Cuối năm 2024, Trường có 01 giáo viên được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và được truy lĩnh tiền lương, tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 3/2024; 06 giáo viên được nâng bậc lương trước thời hạn, được truy lĩnh tiền lương của những tháng trong năm 2024. Tổng kinh phí truy lĩnh tiền lương và phụ cấp của 07 cá nhân trên trong năm 2024 và chênh lệch trong năm 2025 (do khi xây dựng dự toán 2025 chưa tính chênh lệch này) là: 237,628,246 đồng (Trường sẽ có tờ trình và phụ lục thuyết minh riêng).